

HÌNH TƯỢNG NAM GIỚI VÀ DIỄN NGÔN VỀ TÌNH YÊU – HÔN NHÂN TRONG TRUYỆN NGẮN CHỮ HÁN VIỆT NAM THẾ KỶ XV ĐẾN XIX

Nguyễn Đức Toàn

Trường Đại học Hải Dương

Tóm tắt: Ở loại hình tự sự trung đại Việt Nam, truyện ngắn chữ Hán giữ vai trò tiên phong. Nhân vật nam trong truyện đề tài tình yêu và hôn nhân gia đình được nhà văn khắc họa phần lớn trong thời điểm hệ tư tưởng phong kiến bắt đầu suy tàn (đặc biệt là những sáng tác từ thế kỷ XVI). Khuynh hướng phản ánh hiện thực hình thành, tư tưởng nhân đạo tiếp tục được duy trì ở hoàn cảnh mới và ý thức cao độ về con người cá nhân dẫn đến sự “lưỡng hóa” hình tượng nam nhi trong các sáng tác. Phản ánh những bi kịch trong tình yêu và hôn nhân, các nhà văn thể hiện sự cảm thông và trao cho nhân vật niềm tin vào cuộc sống. Ẩn sâu trong những sáng tác là sự nghiệm sinh sâu sắc về khát vọng nhân bản. Hiện tượng phân hóa đa cực nhân vật nam giới đã thể hiện cảm quan đời sống mới, đánh dấu bước chuyển tự thân về tư tưởng của các nhà nho. Bằng sự cách tân một số thủ pháp nghệ thuật, con người hiện lên chân xác, sinh động qua cách thức thể hiện hành động cho đến đời sống nội tâm. Sự biến thiên của yếu tố kỳ ảo đặt trong mạch vận động của văn chương trung đại thực sự là bước tiến quan trọng trong tư duy nghệ thuật, đưa văn học tiệm cận với hiện thực cuộc sống. Điều đó tạo tiền đề cho sự ra đời của nền văn học hiện đại, là dấu hiệu quan trọng của quá trình dân chủ hóa dòng văn học trung đại ở nước ta.

Từ khóa: Tự sự, trung đại, truyện ngắn chữ Hán, nam giới, tình yêu và hôn nhân.

Nhận bài ngày 16.4.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 23.5.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Đức Toàn; Email: toanhue198@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có thể nói, vấn đề con người trong văn học trung đại Việt Nam thực chất là sự trình hiện dấu ấn cá nhân trong diễn ngôn về nam giới hoặc cái cá nhân được thiết lập bằng nhãn quan nam giới. Ở loại hình tự sự trung đại Việt Nam, truyện ngắn chữ Hán giữ vai trò tiên phong, chỉ tính riêng các sáng tác ra đời từ thế kỷ XV đến nửa đầu thế kỷ XIX đã như “bước đột khởi” về tư tưởng và nghệ thuật.

Với đề tài tình yêu và hôn nhân gia đình, dấu hiệu đổi mới truyện ngắn biểu hiện rõ qua cách hành xử giữa các nhân vật với xã hội, từ đó thể hiện sự chuyển biến tư tưởng của lớp nhà nho trước những đổi thay của thời đại.

2. NỘI DUNG

Khảo sát các truyện ngắn chữ Hán tiêu biểu từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX, chúng tôi chọn nhóm 21 truyện ngắn [6; tr. 10] đề tài *tình yêu và hôn nhân gia đình* với chuỗi sự kiện, biến cố xoay quanh cặp đôi nam - nữ. Có 45 nhân vật xuất hiện trong nhóm tự sự này, trong đó nhân vật nam giới có mặt khá đông (22/45, chiếm 48,9%).

2.1. Đặc điểm nhân vật nam trong truyện ngắn đề tài tình yêu và hôn nhân gia đình (từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX)

Từ sự sinh động, đa dạng của hình tượng nam nhi trong phạm vi tác phẩm khảo sát, chúng tôi nhận thấy sự dồi dào về phong cách sáng tác cũng như quan niệm nhân sinh của người cầm bút trước hiện thực. Xây ra tình trạng lưỡng cực trong tư tưởng nhà văn: quan điểm chính thống và phi chính thống, người tốt và kẻ xấu, kỳ ảo và hiện thực, bảo thủ và cách mạng. Hạt nhân các sáng tác là vấn đề thân phận con người và sự dịch chuyển của quan niệm *con người cá nhân* và *con người phận vị* trong xã hội.

2.1.1. Nguồn gốc, xuất thân nhân vật nam giới

Nhân vật nam giới không phải là con người số lượng không nhiều (chỉ chiếm 3/22 truyện, 13,6%) đó là: Hà Ô Lôi trong truyện ngắn cùng tên là con của thần Ma La. Hà Ô Lôi khi sinh ra thì “*da dẻ đen như mực nhưng mượt mà như mỡ*”, “*Không biết chữ nhưng ăn nói lưu loát, hơn người về từ chương, thơ phú, ca hát, ngâm vịnh...*”. Trong truyện *Tình chuột*, người chồng già là do yêu khí của con chuột hóa thành, khả năng biến hóa khôn lường. Con người phải nhờ uy linh của Đồng Thiên vương mới trừ nổi. Truyện *Chồng dê* có chàng trai đội lột dê vốn có nguồn gốc là người đánh xe cho Ngọc Hoàng, ban ngày là dê, ban đêm biến thành người; hình dáng được mô tả “*Người đẹp vô cùng, dù Tống Ngọc vin hoa, Phan lang ném quả cũng không sánh kịp*”; trong tình yêu thì “*giao cảm bằng tình*”. Do có xuất thân không bình thường nên các nam nhân vật này có những biểu hiện về hình dáng và hành động hết sức khác thường. *Nhân vật nam giới là con người* gồm 19 nhân vật (86,4%). Khác với sự ra đời của yêu ma hay thần thánh thâm đậm màu sắc huyền hoặc của văn học dân gian, những chàng trai nơi phàm trần có nguồn gốc sinh thành hết sức bình dị, có tên tuổi, xuất xứ rõ ràng hoặc có một nghề nghiệp nhất định. Thúc Ngư có cha mẹ làm nghề đánh cá (*Chuyện lạ nhà thuyền chài*), truyện *Rồng kể* về công việc đi hát kiếm sống của một cặp vợ chồng không tên tuổi. Đặc biệt là các Nho sinh thường được nhắc đến với nguồn gốc xuất thân nghèo hèn, gia tư túng quẫn.

Những chàng có tình yêu với cô gái thuộc đẳng cấp trên, không phải dòng quan lại thì cũng thuộc con nhà giàu có như: Nguyễn Đăng Đạo (*Trạng nguyên họ Nguyễn*), Nguyễn sinh (*Chuyện tình ở Thanh Trì*), Đào sinh (*Sống lại*). Nhân vật nam là con người xuất hiện phổ biến trong các tác phẩm cho thấy truyện ngắn đã có những “bước đột khởi” trong thể loại văn xuôi tự sự. Nếu như thời kỳ trước, chủ lưu là hai dòng tự sự về nhân vật lịch sử và về những truyện “quái”, “dị”, “u linh” thì giai đoạn này văn học đã nghiêng bóng xuống cuộc đời, tiếm cận hiện thực cuộc sống. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Na đã nhận xét: “Qua những sáng tác trong hai tập *Thánh Tông di thảo* và *Truyện kì mạn lục*, Lê Thánh Tông và Nguyễn Dữ đã phóng thành công con tàu văn xuôi tự sự vào quỹ đạo nghệ thuật”, “Văn học lấy con người làm đối tượng và trung tâm phản ánh” [6; tr. 20].

2.1.2. Tầng lớp, giai cấp xã hội của nam giới

Nhân vật nam là kẻ sĩ, nho sinh, quan lại xuất hiện khá đông đảo trong các sáng tác, trở thành đối tượng trung tâm của nhiều thể tài. Hẳn thế, trong lịch sử tư tưởng phương Đông, hiếm có một học thuyết nào chiếm địa vị độc tôn lâu dài và có sức ảnh hưởng rộng lớn như Nho giáo. Lẽ dĩ nhiên, mẫu hình kẻ sĩ/nho sinh/quan lại sẽ trở thành hình tượng trung tâm của sáng tác nghệ thuật. Người đàn ông luôn phải đặt mình trong những mối quan hệ lớn với quốc gia, dân tộc bằng những mục tiêu hành động tương xứng: *“Nam nhi khoa cử đồ đạt thành danh chấp chính là mẫu người lý tưởng của thời trung đại”* [8; tr. 48]. Từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX, xã hội Việt Nam trải qua những bước thăng trầm đầy biến động, ngai vàng phong kiến nhiều phen thay ngôi đổi chủ, chính cơn dâu bể của xã hội đã làm xói mòn “thành trì lễ giáo Tống Nho”. Điều đó tạo điều kiện cho sự phân hóa trong tầng lớp kẻ sĩ nho sinh. Qua những tác phẩm được khảo sát, chúng tôi nhận thấy nhân vật nam là nho sinh, quan lại là 12/22 nhân vật (54,5%). Điểm mới của các tác phẩm là khơi mở một góc nhìn hiện thực khác lạ: cửa Khổng sân Trình không còn là nơi dung thân thuần nhất cho những môn đồ *“ham biết cái cổ, chịu khó tìm tòi, cố gắng nhớ kĩ, học không chán và dạy người không mỏi”* [2; tr.35]. Giờ đây, nơi ấy đã trở thành “rừng nho”, đa dạng sắc màu của hiện thực cuộc sống.

Nguồn gốc xuất thân và địa vị xã hội của các nho sĩ thể hiện một quan niệm mới về người trí thức. Không chỉ dòng dõi vương tôn thế tộc mới là mảnh đất sinh ra những bậc kỳ tài. Tầng lớp học thức “kinh luân gồm tài” cũng có những điểm xuất phát hết sức bình thường, thậm chí nhếch nhác. Dân gian thường truyền tụng “đất sỏi có chạch vàng”. Phải chăng, các tác giả ngầm ý cổ vũ cho các chàng trai cố gắng rèn đức luyện tài để vươn lên từ con đường cử tử. Song, con đường khoa bảng thành danh không còn là sự lựa chọn duy nhất cho một bộ phận sĩ tử. Mẫu hình nhà nho chính thống theo mô hình “hành hay tàng, xuất hay xử” không còn thích ứng trong hoàn cảnh mới. Môn đồ Khổng giáo bắt đầu tỏ ra thờ ơ với *Tứ thư, Ngũ kinh*. Tám gương điển hình là Hà Nhân “tuy mượn tiếng du học, nhưng bút nghiên chỉ nắn, son phấn tình nồng”; “Trọng Quỳnh quen thân phóng đãng, thuộc tính chơi bời”, mang cả người vợ tao khàng tiết nghĩa để đánh cuộc đen đỏ. Người trí thức Nho giáo đã tỏ thái độ thách thức với nền Nho học chính thống và những tư tưởng cổ hủ đã được thiết lập như những thành trì. *“Cái đối với họ thực sự quan trọng không phải là cảnh bầy vàng bia đá, áo mũ vinh quy... mà là sự cảm nhận những giây phút hạnh phúc của đời sống thể tục, hiện thực, mang đậm tính chất cảm tính, trực tiếp”* [10; tr.134]. Những đau khổ và hạnh phúc, chia li và đoàn tụ trong đời sống tình cảm vợ chồng, yêu đương chính là sự thức tỉnh của ý thức cá nhân. Nhịp đập con tim đã gây nên vô số cơn khủng hoảng niềm tin Nho giáo trước cơn dâu bể của lịch sử.

Nhân vật là tăng lữ, tín đồ Phật giáo bước vào câu chuyện tình yêu cũng lâm li, nồng thắm, rực cháy niềm khát khao, háo hức, si mê. Con số khiêm tốn: 02/22 nhân vật (9,1%), đó là sư Vô Kỷ trong *Nghiệp oan của Đào thị*, Huyền Quang trong *Sư chùa Yên Tử* nhưng ấn tượng họ để lại khá sâu đậm trong lòng độc giả. Phật giáo du nhập khá sớm vào nước ta và được dân gian ưa chuộng. Nhiều tăng ni đã có những vị trí cao trong xã hội và có sự ảnh hưởng lớn đến chính trị đương thời. Nhắc đến họ, ta thường nghĩ đến những người một lòng quy y Tam bảo, không vướng vòng danh lợi. Con đường và mục đích vươn tới của người đi tu là sự hướng thiện. Một trong những giới luật khi xuất gia tu hành là phải diệt dục, “đề cao sự kiểm soát cảm xúc, tức là

đề cao lí trí, đề cao cái duy lí” [9; tr.99]. Thế nhưng cơn phong ba của lịch sử luôn vận động theo một quỹ đạo khách quan, không bỏ qua bất cứ thứ gì trên đường nó đi qua. Cửa Phật cũng không nằm ngoài quy luật đó. Đặc biệt là sự xuất hiện của “trào lưu chủ tình” và sự thức tỉnh của con người cá nhân xuất hiện từ cuối thế kỉ XVIII. Người đọc không khỏi băn khoăn tìm căn nguyên của những hiện tượng trên. Hãy ngoái trông những trang ghi chép hiện thực về giai đoạn ấy (từ thế kỉ XVI đến nửa đầu thế kỉ XIX). Lịch sử viết rằng : “*từ thời Lê mạt, Phật giáo đã trở thành một mối tệ trong xã hội. Những kẻ lười biếng trốn vào chùa chiến để tránh sản xuất, sống cuộc đời ăn bám, hủ hóa. Bọn lưu manh còn đồ cũng tìm nơi thờ Phật để tụ tập đảng chúng, gây rối loạn trong xã hội*” [11; tr.108]. Song, mỗi nhà văn khi đứng trước hiện thực khách quan lại có sự nhìn nhận, chiêm lĩnh khác nhau theo quan niệm cá nhân. Trước sự vẫy gọi của ái tình, sư bác Vô Kỳ bộc lộ sự chủ động níu kéo Đào Hàn Than ở lại chùa, mặc lời can ngăn của Pháp Vân. Việc trụ trì Pháp Vân bỏ lên núi Phượng Hoàng cho thấy sự bất lực của lễ giáo phong kiến và những giới luật tu hành khổ hạnh của tôn giáo. Cái chết của Vô Kỳ là một bài học, tiếng chuông cảnh tỉnh cho môn đồ Thích Ca. Cuộc tình duyên của Huyền Quang với Thị Bích diễn ra hoàn toàn khác. Huyền Quang bị động trước sự quyến rũ của Thị Bích, lòng thiền xao động. Bậc Tôn giả đã phải phá giới. Bằng tài năng của mình, Đan Sơn đã trút bỏ tấm áo cà sa đức độ, đạo mạo của Huyền Quang Tôn giả Lý Đạo Tái, một trong ba sư tổ sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm - Trúc Lâm tam tổ. So với những điều được ghi chép trong *Tam tổ thực lục*, Huyền Quang đã được trần tục hóa khá đậm nét. Đan Sơn thể hiện hình tượng vị cao tăng này giữa thời đại bế đau, “mọi giá trị cũ bị đứt tung không tài nào cứu vãn nổi” (chữ dùng của Phan Ngọc). Sư Huyền Quang vì thế đã nhuốm bụi bặm trần gian. Từ những dấu hiệu trên, chúng tôi nhận thấy kiểu nhân vật này đã mất dần địa vị trong xã hội. Họ là các tăng lữ “lệch chuẩn”, bị dòng đời và vật dục tha hóa. Con người đương thời đã thể hiện sự khủng hoảng niềm tin ở Phật giáo.

Nhân vật thuộc tầng lớp bình dân có 4/22 nhân vật, chiếm 18,3%. Họ đa dạng về nghề nghiệp: Thúc Ngư làm nghề đánh cá cùng gia đình (*Chuyện lạ nhà thuyền chài*); Trương Sinh không có học, phải đi lính (*Chuyện người con gái Nam Xương*); chàng Nguyễn sinh làm nghề chèo đò ở bên Thanh Trì (*Chuyện tình ở Thanh Trì*); một người chồng cùng với vợ làm nghề cầm ca nay đây mai đó (*Rồng*). Nhưng nghề nghiệp cũng chẳng mang lại cuộc sống no đủ, thanh thoi, họ phải đối mặt với nhiều vấn nạn xã hội. Cuộc đời họ luôn bị rình rập, đe dọa bởi nhiều thế lực. Thúc Ngư trong *Chuyện lạ nhà thuyền chài* và đôi vợ chồng trong truyện *Rồng* là nạn nhân của thiên tai, ác thú, sức mạnh siêu nhiên đã cướp đi người vợ đảm đang, hiền thực. Cuộc nội chiến kéo dài đã đẩy xa Trương Sinh trong *Chuyện người con gái Nam Xương* ra khỏi mái ấm gia đình. Sức mạnh đồng tiền đã vĩnh viễn chặt đứt mối lương duyên tốt đẹp, đầy chất lãng mạn của Nguyễn sinh trong *Chuyện tình ở Thanh Trì*. Văn học giờ đây không còn là kênh thông tin độc quyền nhằm “ngôn chí”, “tải đạo”, “minh đạo”. Phạm vi phản ánh hiện thực của các tác phẩm đã mở rộng biên độ về phía cuộc đời, nhìn xuống mỗi cuộc đời, soi chiếu những số phận nhỏ bé, bất hạnh. *Nhân vật là thương nhân* xuất hiện rất khiêm tốn, chỉ có 1/22 nhân vật, chiếm 4,5%. Mẫu hình nam nhân tiểu thương có mặt trong *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ với truyện *Cây gạo*. Đó là câu chuyện về cuộc tình giữa thương nhân Trình Trung Ngộ với hồn ma Nhị Khanh. Có lẽ, do văn hóa Nho giáo quan niệm: “dĩ nông vi bản, dĩ thương vi末” và đường lối trọng nông ức thương, coi buôn bán là xấu xa nên đối tượng thương nhân thừa vắng trong các sáng tác văn học bác học. Nguyễn Dữ đã tiến một bước mới trong quan niệm phản ánh hiện

thực. Cho dù ở tầng lớp nào, trái tim con người vẫn luôn bị thôi thúc trước sức mạnh của tình yêu. Kết thúc cuộc tình, các chàng trai có người phải chết, người được đón nhận hạnh phúc. Song, họ vẫn chung khát khao về một tình yêu tự do, mong được thụ hưởng hạnh phúc trần thế giản đơn.

2.1.3. Cách xử của nam giới trong tình yêu và hôn nhân

2.1.3.1. Nhân vật chung tình, si tình

Chung tình, si tình là một thái độ, một lối hành xử đẹp đã ăn sâu trong tâm thức người Á Đông, nhất là ở Việt Nam. Hành động chứng minh tấm lòng chân thành trong tình yêu và cá tính của từng nhân vật nam. Giặc Ô Qua tấn công nước Hoa, Chu sinh (*Duyên lạ xứ Hoa*) phải chia tay với Mộng Trang. Kể từ đó, chàng luôn mang tin vật “lá ngọc mềm” có đề bài thơ hẹn ước bên mình. Ngay cả khi nhớ lại lời vợ dặn năm xưa cho cung nữ Đồng Nhân xuống chăm sóc, chàng chỉ lập Đồng Nhân làm thiếp bởi trong thâm tâm chàng luôn coi Mộng Trang mới là chính thất. Anh chàng nho sinh trên đường đi thi, tình cờ gặp một cô gái (*Tháp Báo Ân*) đã nguyện cả cuộc đời không se kết cùng ai để tưởng nhớ ân tình người con gái mắc bệnh phong khi xưa. Anh chàng này không âm thầm tự trải nghiệm sự chia xa như Chu sinh. Nhiều hơn thế, anh ta đã “giữ lễ con rể” với bố mẹ cô gái xấu số kia và “xin được cải táng cho cô gái theo nghi lễ người vợ” và “dựng ngôi tháp trên chỗ đất cũ đặt tên là tháp Báo Ân”. Tình cảm chân thành của vị tân khoa trở thành tấm gương sáng của những người am hiểu lễ nghĩa, biết quý trọng những khoảnh khắc đẹp đẽ trong tình yêu, cho dù hạnh phúc ấy chỉ là ngắn ngủi so với một đời người. Ở mức độ đỉnh điểm, con người rơi vào trạng thái không ý thức được hành vi, cử chỉ của mình trong tình yêu thì si tình là biểu hiện tiêu cực. Ta có thể nhận thấy anh chàng Hà Nhân (*Cuộc kỳ ngộ ở trại Tây*) dù đã biết thân thế của Đào nương và Nhu nương là do hồn hoa đào, tinh cây liễu hóa thành nhưng anh học trò vẫn sẵn sàng “đem cầm một cái áo lấy tiền làm mâm cỗ đem cúng hai nàng, lại làm một bài văn tế” để kêu khóc rất lâm ly. Thương nhân Trình Trung Ngộ (*Cây gạo*) khi nhận ra Nhị Khanh nguyên là hồn ma người chết hiện hình để thỏa mãn ham muốn thể xác, Trung Ngộ đã bỏ ngoài tai tất cả những lời khuyên của bạn bè, thậm chí khi bị trôi dưới thuyền anh ta vẫn tìm cách thoát ra và đi theo sự vẫy gọi của hồn ma Nhị Khanh. Anh thương nhân si tình đã ôm quan tài người tình mà chết. Sau đó hồn ma hai người còn hưng yêu tác quái: “trong những trường hợp đặc biệt như thế, tình yêu đã trở thành nguồn sức mạnh căn bản để con người hóa kiếp tìm nhau, vượt qua mọi ranh giới không gian thực và ảo, kiếp này và kiếp khác chỉ để nhận ra nhau và biến mất cùng nhau mãi mãi” [7; tr.199].

2.1.3.2. Nhân vật không chung tình

Xuất hiện trong những truyện ngắn thời trung đại như là một đối trọng trong cảm quan về đời sống. Trọng Quý đã “quen thân phóng đảng, thuộc tính chơi bời” mang cả người vợ tao khang tiết nghĩa ra để cầm cố như một món đồ gán nợ khi bị thua bạc. Hành động tàn nhẫn của Trọng Quý đã đẩy người vợ của mình đến cái chết oan khuất (*Người nghĩa phụ ở Khoái Châu*). Trương Sinh chỉ vì hồ đồ nông cạn, cả ghen nghe lời con trẻ, không phân biệt lời hay lẽ phải của xóm giềng đã nổi cơn ghen tuông, nghi oan cho vợ là kẻ thất tiết. Vợ chàng Trương đã chịu chung với số phận như người vợ của Trọng Quý. Vũ Thiết đã gieo mình xuống sông để bảo toàn tiết hạnh. Gia đình tan đàn xẻ nghé, con mất cha, chồng mất vợ (*Người con gái Nam Xương*).

Nếu như Trọng Quý và Trương Sinh là những kẻ bội bạc khiến hạnh phúc gia đình đổ vỡ do thói quen và thuộc tính chơi bời thì hành động của Vũ Khâm Lân hoàn toàn khác, Vũ không dám vượt qua định kiến xã hội cho rằng : “xương ca vô loài” nên nghe theo lời cha mẹ đành thất hứa với người con gái đã cứu giúp mình thuở hàn vi.

2.1.3.3. Nhân vật hành xử nước đôi

Là kiểu nhân vật có hành động và ứng xử đặt trong hai mô hình nổi bật: ái tình – hành đạo và ái tình – học vấn, thi cử. Ở mô hình hành xử thứ nhất, thường gặp là các nhân vật nam thuộc hành ngũ tín đồ một tôn giáo nhất định. Họ đối xử với tình yêu không hề thuần nhất. Xuống tóc quy y, sư Vô Kỷ tưởng như đã đoạn tuyệt với cuộc sống thế giới bên ngoài tam quan. Song, câu kinh tiếng mõ chẳng mang lại sự thanh thản trong tâm hồn người đệ tử Phật pháp này. Vô Kỷ đã chủ động níu kéo Hàn Than ở lại chùa, đôi bên “mê đắm say sưa, chẳng khác nào con bướm gặp xuân, trận mưa cứu hạn”. Tán bỏ đề lại một lần nữa bị tiếng khóc lâm li của ái tình lấn át tiếng chày kinh mõ cá. Sau cùng, vì thương nhớ người yêu, sư bác cũng sinh ốm mà chết. Cuộc tình của Huyền Quang Tôn Giả diễn ra rất nhanh chóng. Trước sự quyến rũ của Thị Bích, “Huyền Quang đã ứng khẩu một bài thơ tuyệt cú trong đó có câu nói rằng, đến Thích ca Mâu ni cũng không thể đoạn tuyệt với tình dục”. Khác với những gì còn ghi tại *Tổ gia thực lục*: “người này có đạo nhân, đáng là pháp khí, đúng là bậc thánh tăng”, nay Huyền Quang lại buông lời trêu ghẹo Thị Bích, rồi thông dâm cùng nàng. Ngay cả khi hành vi “tham thiền” lộ tẩy, Huyền Quang vẫn lớn tiếng khẳng định : “Ba điều khó bỏ ở đời – rượu ngon, gái đẹp, thịt tươi béo giòn”. Nhân vật sư bác Vô Kỷ của Nguyễn Dữ và Huyền Quang của Đan Sơn đã “đánh đổ” giáo lý đạo Phật. Tuy nhiên, ở sự quy chiếu khác, hai nhà sư đến với yêu đương cũng là sự thức tỉnh, là tiếng nói đòi hỏi một đời sống trần tục, những nhu cầu tình cảm chính đáng của con người. Tình yêu của Tú Uyên và Giáng Kiều lại song hành cùng quá trình học đạo tu tiên để đạt đến sự bất tử của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Ở mô hình thứ hai, chúng ta gặp các chàng thư sinh trên con đường học vấn, thi cử có sự đồng hành của hình bóng giai nhân. “Ái tình và đèn sách là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Vậy mà, trong sáng tác của người xưa, chúng không loại trừ nhau” [8; tr.49]. Các công sĩ tiếp cận với yêu đương cũng theo nhiều xu hướng. Có người do mê đắm tình ái mà “bút nghiên chí nản” không vươn lên trong sự nghiệp, thậm chí nguy kịch đến tính mệnh do hồn ma làm hại như chàng Hà Nhân (*Cuộc kỳ ngộ ở Trại Tây*), viên quan họ Hoàng (*Yêu quái ở Xương Giang*). Qua những câu chuyện này, các tác giả muốn răn đe kẻ sĩ. Bên cạnh đó nhiều kẻ thư sinh vừa đắm say tình ái lại vẫn có thể đỗ đạt trên tài thiên hạ. Thử thách được đặt ra cho những học trò là chuyện áo cơm, “*khiến họ phải tìm kiếm một chỗ dựa trong cuộc sống để làm điểm tựa cho công danh của mình*” [8; tr.49]. Chu Sinh được Mộng Trang tặng vàng để ăn học nên người, Nguyễn Đăng Đạo chủ động tìm đến con gái quan Ngô hầu và được bố vợ “làm nhà riêng cho ở, cấp tiền lương ăn học”, Vũ Khâm Lân được người con gái làm nghề ca hát tặng vàng lụa,... Con đường khoa bảng tỏ ra rất hanh thông song có người quay về trả nghĩa, kẻ lại phụ bạc tình yêu. Lẽ dĩ nhiên có kẻ hạnh phúc, người bất hạnh. Qua những cốt truyện ấy, các nhà văn thể hiện cái nhìn đa chiều về đời sống.

2.1.4. Số phận những nhân vật nam nhi

Nhân vật hạnh phúc chiếm số lượng không nhiều (3/22 nhân vật). Số chàng trai được sánh vai với ý chung nhân, thỏa lòng mơ ước có thể kể đến: Tú Uyên (*Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích Câu*)

sau những phút giây làm lỡ chàng đã tỏ ra tu chí, nghe theo lời vợ, một lòng chuyên tâm học đạo tu tiên để cuối cùng cả nhà đắc đạo. Nguyễn Đăng Đạo (*Trạng nguyên họ Nguyễn*) dùng cảm vượt qua rào cản về đẳng cấp xã hội, tự tìm đến bày tỏ tình cảm của mình trước mặt người yêu và quan Ngô hầu. Sau này Đăng Đạo nên duyên vợ chồng cùng với người mình yêu. Đây là thiên truyện đẹp về tình yêu hôn nhân của một nhân vật có nguyên mẫu trong lịch sử, sống dưới triều Lê. Đào Sinh (*Sống lại*) một lòng thủy chung với người yêu năm xưa và tấm lòng chân thành ấy cũng được đền đáp xứng đáng bằng sự đoàn tụ cùng cô gái năm xưa chàng yêu. Mặc dù ba cuộc đời khác nhau nhưng ở họ đều có chung cục may mắn. Cho dù khó khăn cách trở diễn ra dưới hình thức nào, cuối cùng hạnh phúc vẫn mỉm cười với họ như một thứ quà tặng vô giá. *Bất hạnh* bởi bị kịch tình yêu và hôn nhân cũng đeo đẳng khá nhiều thân phận nam nhi với vô số thang bậc khác nhau. Có kẻ tự gieo tội lỗi rồi tự nhận lấy quả báo như Trọng Quý quen thân phóng đảng, bạc bài đen đỏ để dồn vợ mình đến cái chết (*Người nghĩa phụ ở Khoái Châu*). Trương Sinh có tính ghen tuông, hồ đồ vô căn cứ đã bức Vũ Thiết phải gieo mình xuống sông để bảo toàn tiết hạnh (*Người con gái Nam Xương*). Anh lái đò Nguyễn sinh (*Chuyện tình ở Thanh Trì*) khi có đủ tiền thách cưới trở về thì người yêu đã ra đi vĩnh viễn, chỉ còn lại một trái tim u hoài lưu giữ hình bóng chàng. Chỉ có nước mắt chàng mới sưởi ấm trái tim băng giá ấy thành những giọt máu nóng hổi của tình yêu, khát vọng của tuổi trẻ. Cuối cùng tình yêu chẳng giúp lứa đôi sum họp, cái chết chia lìa họ vĩnh viễn. Người chồng làm nghề hát rong trong truyện *Rồng trên bước đường tha hương* kiếm sống chỉ vì một phút bất cẩn mà người vợ phải làm mồi cho loài ác thú. Qua con đại hồng thủy, Thúc Ngư cũng phải chia lìa với nàng Ngọa Vân đảm đang tháo vát (*Chuyện lạ nhà thuyền chài*). Hồng Hà nữ sĩ kể về cuộc đời của Đinh Nho Hoàn: thân là quan cao chức trọng, vợ chồng hạnh phúc nhưng trên đường đi sứ đã bỏ mạng nơi đất khách quê người. Không vượt qua khỏi cảnh sinh li tử biệt, người vợ cũng tuân tiết theo chồng. Cái chết của Nho Hoàn là sự phơi bày mặt trái của công danh và thân phận kẻ sĩ chấp chính. Đằng sau những mũ cao áo dài, bổng ca lộc hậu, con người luôn phải đương đầu với những khó khăn khắc nghiệt trên bước đường danh lợi (*Người liệt nữ ở An Ấp*). Với nhân vật có số phận lưỡng hóa, các nhà văn xây dựng mô hình truyện kể theo ba nhóm. Thứ nhất, tâm trạng vừa hạnh phúc vừa bất hạnh được thể hiện qua những nhân vật như Hà Ô Lôi, Chu Sinh, Từ Thức... Hạnh phúc đối với chàng Chu sinh là những giấc mộng được phiêu bồng tới nước Hoa sánh duyên cùng công chúa Mộng Trang. Suy cho cùng, giây phút sống trong ngọt ngào của yêu đương chỉ thoáng qua như ảo ảnh. Phần đời còn lại, Chu Sinh sống trong nhớ thương khắc khoải. Anh chồng đội lột dê (*Chồng dê*) chỉ được nếm trải tình yêu mê đắm nơi hạ giới trong khoảnh khắc rồi lại vội vã quay về thiên đình do hết kỳ hạn chịu phạt. Hà Ô Lôi và Từ Thức nếm trải hương vị ái tình trong những hoàn cảnh khác nhau. Coi ái tình là con đường dễ hành lạc, Ô Lôi tự chuốc lấy cái chết. Từ Thức hạnh phúc khi lạc vào chốn Bồng Lai tiên cảnh, được kết duyên cùng tiên nữ Giáng Hương để trốn cuộc đời. Chàng nhận ra sự lạc lõng của mình trước cõi tiên. Khi quay về bến đỗ trần gian muốn trở lại tiên giới thì tình yêu cũng tan biến.

Hạnh phúc và khổ đau, chia ly và đoàn tụ đan bện vào nhau dưới ngòi bút tài hoa của người nghệ sĩ đã viết nên những thiên truyện đậm màu sắc nhân văn. Hai thanh âm này xuất hiện ở áng thiên cổ kỳ bút *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ với *Nghiệp oan của Đào Thị* kể về số phận của sư bác Vô Kỷ với cung nữ Đào Hàn Than. Cặp tình nhân này đã chứng minh cho xã

hội đương thời thấy sức mạnh của tình yêu, khát khao của đời sống tình cảm mà bấy lâu nay bị kìm nén dưới những giáo điều khổ hạnh. Vô Kỵ và Hàn Than vẫn cảm thấy cần có nhau ngay cả khi đã chết. Với Vô Kỵ, sức mạnh của bánh xe luân hồi chuyển kiếp nơi cửa Phật giờ đây đã trở thành vô nghĩa. Hồn ma của hai người vẫn tìm đến nhau, cùng đầu thai để mưu toan trả thù những người phản đối tình yêu của họ. Hành động quá khích ấy là sự thách thức với xã hội đương thời, song vẫn chưa đủ quyết liệt để khiến cho tư tưởng chính thống của xã hội đương thời phải đổi thay. Tình yêu của họ bị tiêu trừ là điều không tránh khỏi (*Nghệp oan của Đào thị*). Truyện *Yêu quái ở Xương Giang* lại kể về một quãng đời của viên quan họ Hoàng bị hồn ma Thị Nghi quyến rũ. Chết trẻ, Thị Nghi chưa thỏa mãn những ham muốn sắc dục, nàng đã bày mưu lừa Hoàng vào bẫy. Hoàng không tiếc tiền của thu thập hài cốt cha mẹ Thị Nghi dưới sông đem về quê mai táng. Thị Nghi một mặt tỏ ra “vợ chồng tình ái rất là thắm thiết. Nàng lại cử động rất hợp lẽ, nói năng biết lựa lời, họ hàng bạn bè ai cũng đều khen ngợi”. Được một người vợ như vậy, hẳn trong lòng Hoàng cũng hân diện cùng bạn bè xung quanh. Tuy nhiên, họ Hoàng đã bị yêu khí của người tình hút hết dương khí khiến “Hoàng bỗng bị bệnh điên cuồng hoảng hốt, mê lịm không còn biết gì”. Sau những phút giây nồng ấm, họ Hoàng suýt mất mạng. Đã thế, anh chàng lại bị Diêm Vương phạt “giảm thọ một kỉ” vì tội “bỏ nét cương thường, theo đường tà dục”. Trình Trung Ngộ bị hồn ma Nhị Khanh đã chết lúc đương thì con gái, hiện hình buông lời trắng gió. Điều đáng bàn là, khi biết sự thực về thân phận của Nhị Khanh, Trung Ngộ vẫn lao vào cuộc tình với mê đắm, cuồng nhiệt bất chấp tất cả. Cái chết đối với Trung Ngộ không còn là hình phạt, nó mang một ý nghĩa khác: con người chấp nhận, chủ động tìm đến cái chết để thực hiện một cuộc chuyển tiếp, được đoàn viên ở thế giới bên kia và tiếp tục được sống, được yêu, được thỏa mãn ái ân sắc dục mà ở cuộc sống thực tại, sự nghiệt ngã đang dồn đuổi họ ở mọi nơi mọi lúc. Hành động giao hoan táo bạo của họ phải chịu sự truy đuổi gớm ghê của tay đạo sĩ, của thiên binh thiên tướng và dư luận xã hội. Hài cốt của Trung Ngộ và Nhị Khanh bị đào lên, đổ xuống sông còn linh hồn của họ bị “sáu bảy trăm lính đầu trâu gông trói hai người mà dẫn đi”.

Sử dụng những mô thức văn hóa của truyện dân gian, các tác giả truyện ngắn trung đại đã ghi chép, tái thiết và làm mới hiện thực. Ở đó, câu chuyện vẫn được bao phủ trong bầu không khí đặc quánh hơi thở folklore nhưng nghệ thuật tạo tác đã được đưa lên đỉnh cao mới, tạo một sự phân ly tất yếu với môi trường dân gian. Lúc này, không gian huyền ảo, thời gian phi tuyến tính, các sự việc huyền bí, kỳ lạ, vi phạm mọi quy ước vật lý nhưng mọi logic đều thống nhất cao độ với logic của hiện thực đương thời. Thêm vào đó, sự trỗi dậy một cách mạnh mẽ nền văn hóa tâm linh và các tôn giáo phi Nho khác của dân tộc khiến cho cái kỳ ảo trở thành một thủ pháp nghệ thuật đặc biệt để văn nhân trung đại gửi đi những thông điệp mang màu sắc chính trị và đạo đức. Yếu tố “kỳ” trở thành phương tiện biểu hiện tư tưởng chủ đề của tác giả cùng như chi phối cách thức tổ chức và kết cấu của toàn bộ cốt truyện. Nếu như “*sự tiến bộ nghệ thuật... được xác định bởi quy mô, bởi chiều sâu, bởi tính độc đáo của sự khái quát nhận thức bằng hình tượng, bởi sức nặng của những giá trị tinh thần và thẩm mỹ mà người nghệ sĩ tạo nên*” [4; tr.442], thì đến đây có thể khẳng định rằng: truyện ngắn chữ Hán Việt Nam thời trung đại viết về đề tài tình yêu và hôn nhân đã tiến một bước mới trong quan niệm về con người cá nhân và góp phần khám phá bản chất xã hội, tính quy luật của chiều hướng số phận con người.

2.2. Quan niệm thẩm mỹ, tư tưởng tác giả

2.2.1. Thái độ đồng cảm, ngợi ca

Tình yêu là nỗi khổ hay là niềm vui của con người? Mỗi dân tộc, mỗi thời đại và mỗi cá nhân sẽ có câu trả lời riêng. Các tác giả truyện ngắn trung đại viết về đề tài diễm tình cũng cất lên “tiếng thương” khi dẫn dắt người đọc vào thế giới của tình yêu như một lời giải đáp cho câu hỏi trên. Trước hết, ngòi bút của tác giả tỏ ra phần chần khi đi vào khắc họa tầng lớp nho sinh đang bèn chí lập danh trên con đường khoa cử. Sự đồng hành của tình nhân, sự trợ giúp của giai nhân là điểm tựa cho họ vượt qua khó khăn, vươn lên đỉnh cao danh vọng. Tiêu biểu trong số đó là các nhân vật Nguyễn Đăng Đạo (*Trạng nguyên họ Nguyễn*), Đào sinh (*Sống lại*). Trọng tình nghĩa, thủy chung trong tình yêu là thông điệp mà nhà văn muốn gửi tới nhiều thế hệ bạn đọc. Những mối lương duyên tốt đẹp chính là điểm sáng, dư vị làm giàu thêm vẻ đẹp và giá trị của cuộc sống. Ngược lại, chúng ta vẫn thấy những giọt nước mắt buồn đau vẫn tuôn rơi trên nhiều trang sách của tiền nhân. Đây chính là tấm lòng cảm thương của người nghệ sĩ trước những số phận kém may mắn và là nạn nhân của thời cuộc. Nỗi đắng cay tủi nhục thường vụn vào những kiếp phụ nữ “hồng nhan đa truân”, “tài mệnh tương đố”.

Công bằng mà nói, nhà văn không vô tâm, lạnh nhạt với kẻ nam nhi. Trong số họ, vẫn có nhiều số phận chịu thiệt thòi trong cuộc sống vật chất và tinh thần. Là một vị vua đầu triều, Lê Thánh Tông luôn chăm lo cho từng mảnh đời của đám lê dân trăm họ. Ngòi bút của ông thấm đẫm sự cảm thương trước bi kịch của đôi vợ chồng làm nghề đánh cá bị con hồng thủy chia lìa (*Chuyện lạ nhà thuyền chài*). Không chỉ quan tâm đến những tên tuổi lừng danh giữ cương vị trong xã hội, Vũ Trinh còn gửi sự cảm thông của mình tới anh chồng làm nghề hát dong bị mãnh thú ăn thịt mất người vợ (*Rồng*). Bằng cái nhìn chân thành của chủ thể sáng tạo, văn chương giờ đây không còn là công cụ, là phương tiện chuyên chở chức năng lễ nghi tôn quý mà từ đây, mỗi trang văn còn đồng nghĩa là mỗi trang đời.

2.2.2. Thái độ phê phán

Chứng kiến sự chao đảo của xã hội phong kiến với những giá trị chính thống xưa bị băng hoại, các nhà văn đã thể hiện thái độ trực tiếp. Phê phán là một hình thức diễn ngôn, là hành động chỉ ra những mặt trái của xã hội, từ đó làm thay đổi nhận thức con người. Tâm điểm của sự phê phán nằm ở lớp nho sinh đang trên đường tìm kiếm lý tưởng, công danh. Vậy mà “chí nam nhi nằm ở bốn phương” nay lại thu gọn mình, đắm chìm trong những khoảnh khắc lạc thú si mê. Kết thúc tác phẩm, đa số học trò của thầy Khổng phải chịu hậu quả “dở dang công danh và lỡ làng hôn sự”. Tiêu biểu nhất cho thái độ của người cầm bút phải kể đến nhà nho Nguyễn Dữ. Vì vậy, “*Dễ dàng nhận thấy thái độ nuông nhẹ của Nguyễn Dữ trước sự tha hóa của tầng lớp nho sinh trong trào lưu suy đồi lối sống, đạo đức của nhiều tầng lớp trong xã hội. Bài học rút ra là: người quân tử phải tránh con đường nhỏ, quá ham mê điều nhỏ sa lầy với nó, sẽ mất đi điều lớn trong cuộc đời*” [3; tr.70]. Khác với Nguyễn Dữ, khắc họa số phận Đinh Nho Hoàn, bà Diễm họ Đoàn đã chỉ ra mặt trái của công danh đối với số phận con người. Nho Hoàn tiếng là tiến sĩ, khoác lên mình áo mào vua ban, đặt lên vai trọng trách là sứ thần đi bang giao hòa hảo, vậy mà không kham nổi nắng mưa, tuyết giá trên hành trình đi sứ. Đinh Tiến sĩ phải bỏ mạng nơi đất khách quê người, để lại người vợ hiền thục ở nhà héo hon đợi chờ rồi cũng tìm đến cái chết để mong đoàn tụ cùng chồng. Công thành danh toại, chức trọng quyền cao bấy lâu

được xem như chìa khóa để mở ra cánh cửa hạnh phúc. Hồng Hà nữ sĩ đã đem đến nhận thức mới mẻ, đầy đủ hơn về bi kịch của con người. Dưới cái nhìn của nữ sĩ, ánh hào quang chói lóa của công danh có khi cũng chỉ là hư ảo và làm tưởng. Cùng với Lê Thánh Tông và Nguyễn Dữ, Đan Sơn cũng góp tiếng nói của mình trong “cao trào” hạ bệ thần tiên thánh Phật qua hình tượng sư tổ Huyền Quang. Đọc những áng truyền kỳ của Vũ Trinh, *“ta thấy ông rất nhạy cảm trước sự vận động mạnh mẽ của đời sống xã hội đương thời, và bằng văn chương, ông trình bày cái xã hội đang xuống cấp về đạo đức”* [1; tr.54]. Chỉ ra cái xấu, điều bất công, văn chương giúp con người sống lương thiện hơn, người gần người hơn. Trên quan điểm phê phán, người nghệ sĩ muốn truy tìm căn nguyên của cái xấu, cái ác, những thế lực chà đạp lên hạnh phúc gia đình và tự do yêu thương của con người. Phản ánh những bi kịch trong tình yêu và hôn nhân, các nhà văn còn thể hiện niềm cảm thông và trao cho nhân vật một niềm tin: Con người sẽ có đủ nghị lực để tạo được thế cân bằng trong cuộc sống.

2.2.3. Thái độ phức tạp, đa chiều

Ngoài thái độ yêu, ghét rõ ràng đối với nhân vật của mình, qua một số mẫu hình nam nhi, nhà văn tỏ ra mâu thuẫn trong tư tưởng. Đại diện cho sự “lúng túng”, phức tạp đa chiều này chính là Nguyễn Dữ. Một mặt ông kịch liệt phê phán sự sa đọa của tầng lớp nho sĩ, trí thức đương thời “bỏ nét cương thường theo đường tà dục”, kết cục của họ phải chuốc lấy là cái chết để nêu gương về sau. Nhưng mặt khác, ngòi bút họ Nguyễn lại hào hứng khi kể về những cuộc ái ân mang đậm màu sắc nhục cảm. Từ Thức là sự hội tụ chân xác nhất cho sự bế tắc của người trí thức phong kiến. Sự “quanh co” của ngòi bút nhà văn khi đi vào phản ánh chính là biểu hiện cho sự rạn nứt, sụp đổ niềm tin cũng như tư tưởng của nhà văn trước lịch sử. Hiện thực cuộc sống, môi trường văn hóa, địa vị xã hội thời đại nhà văn sống là tiền đề chủ yếu cho sự lúng túng này. Trong sinh quyển ấy, *“ở mỗi nhà văn, đề tài lại được xử lý theo một khuynh hướng tư tưởng nghệ thuật rất khác nhau, đem đến cho tác phẩm của họ những phát hiện khác nhau về hiện thực và giá trị nhân đạo”* [5; tr.238]. Chính những màu sắc dị biệt đó là cơ sở tạo nên sự phong phú, đa sắc màu trong thế giới nhân vật của thể loại truyền kỳ Việt Nam nói chung và nhóm truyện về đề tài tình yêu và hôn nhân gia đình nói riêng. Thực hành ngòi bút với tiểu tự sự, những mảnh của đời sống được khai thác, ngòi bút truyền kỳ luôn nhìn con người trong mối quan hệ với chính nó, để con người trả về đúng nghĩa. Trong thế đa trị của con người, các nhân vật hiện lên không “đet”, “phẳng”, mà “góc cạnh đa chiều”.

2.3. Sức mạnh thống trị của nam giới và sự đảo chiều – Một vài lý giải

Nền chính trị Việt Nam từ thế kỷ XVI đến XIX ghi dấu sự kiện nhà Lê suy yếu rồi khủng hoảng, nhà Mạc do Mạc Đăng Dung dẫn đầu tiếm ngôi. Họ Trịnh nhân danh phù Lê đánh dẹp họ Mạc lên ngôi chúa, lấn át quyền lực và biến vua Lê thành bù nhìn, Chiến tranh cát cứ khắp nơi, mâu thuẫn nội bộ ngày một sâu sắc... Những sự kiện “bão táp” bộc lộ rõ tính chất không tương đồng trong các triết thuyết của Nho giáo khi trăn trở chính trị bị phá vỡ và các nguyên lý đức trị bị chà đạp bởi quyền lực của tầng lớp phong kiến thống trị. Sự song song tồn tại hai thể chế ở Đàng Trong, Đàng Ngoài khiến cục diện chính trị rối ren và lòng người bất an. Nhà nho trong bối cảnh đó đã tỉnh mộng, dẫn đến sự thay đổi quan niệm về chân giá trị, kéo theo sự linh hoạt trong cách lựa chọn con đường hành - tàng/xuất - xử. “Hẳn nhiên từ đây, văn học cũng chuyển mình với xu hướng dần thoát ra khỏi địa hạt chính trị để hướng về con người trần thế, giảm thiểu

con người lý tưởng kiểu “thánh nhân vong tình” để bày tỏ những khát vọng, dục vọng bản năng rất đời. Phương diện biểu hiện rõ ràng nhất của sự đổi thay này chính là vấn đề tình yêu” [7; tr.197-198]. Cuối mỗi truyện ngắn chữ Hán đề tài hôn nhân, tình yêu thường có lời bình của tác giả. Tuy nhiên, khúc vĩ thanh ấy chỉ là hình thức ngụ ý để che đậy những tiếng nói bản năng, ca tụng quyền sống thân xác và sự tự do trong việc lựa chọn tình yêu của con người. Ở mạch ngầm văn bản, thanh âm của những ẩn ức phức tạp hơn nhiều. Nho sĩ trong bối cảnh khủng hoảng đã dần ý thức về thân phận, tấn bi kịch sinh nhằm thế kỷ và xung đột không lối thoát. Họ thường phản ứng bản năng bằng cách thu vào thế giới nội tâm đầy mâu thuẫn của mình. Trong thế giới ấy, những khát vọng tình yêu đôi lứa trở thành đôi cánh, nẻo đường tìm lẽ sống của Nho sĩ. Điểm phức tạp trong tư tưởng người viết truyện giai đoạn này là một mặt họ vẫn đứng trên lập trường Nho giáo để phê phán những con người sống lụy tình, mặt khác, những trang viết đẹp nhất là hành trình đến thế giới kỳ ảo, dị thường theo tiếng gọi của tình yêu. Phức cảm tình yêu diễn ra trong sự chống đối lẫn nhau giữa con người mực thước của Nho gia với những xung lực bản năng của chính tác giả kết hợp với hiện thực bề bộn của cuộc đời. Đó là hệ quả của khối mâu thuẫn giữa xung đột và trật tự, phần lớn đến từ sự áp chế của hệ tư tưởng Khổng giáo.

Nho giáo vốn là một hệ thống tư tưởng phức tạp chủ trương coi trọng tôn ti. Sự phức tạp đó thể hiện không chỉ ở công năng chế ước sự phát triển tính cá thể (ở đây là bộ phận trí thức Nho học) gây nên những xung đột, thậm chí bi kịch, mà còn ở chỗ nó hình thành một tâm lý, một nguyên tắc đạo đức phổ quát ở chính những con người này: chống phạm thượng, chống nổi loạn. Đồng thời, chính Nho giáo cũng cung cấp cho kẻ sĩ hai lối ứng xử là “hành nhi tắc hành xả chi tắc tàng”. Nếu kiên bình dấy nghĩa là kiểu ứng xử ngoài xã hội thì trong văn chương nghệ thuật, tinh thần nổi loạn được bao giấu trong hành vi truy cầu tình yêu/tình dục. Nói cách khác, trong truyện ngắn chữ Hán, tình yêu/tình dục có ý nghĩa biểu trưng cho những bất bình xã hội hoặc thiết chế mà văn nhân không thể phát ngôn trực tiếp. Sự nở rộ của chủ đề hôn nhân, gia đình còn do hệ quả của quá trình du nhập văn hóa từ khuôn mẫu truyện truyền kỳ Trung Hoa. Chất sắc dục kỳ ảo và phi thực trong *Liêu trai chí dị*, *Nhục bồ đoàn*, *Cô vọng ngôn*,... là những ví dụ tiêu biểu. Bắt đầu từ đây, văn chương nghệ thuật được gắn với hư cấu tưởng tượng, là sáng tạo đích thực của nhà văn, không đơn thuần dừng lại ở ghi chép “chí quái”, “u linh” trong dân gian trước đây. Bên cạnh đó, sự đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người là bước chuyển quan trọng cho thể loại truyện ngắn thời trung đại. Hình tượng nam giới không còn nhất phiến, nguyên dạng, đơn trị, mà đa trị và bước đầu có sự phân hóa.

3. KẾT LUẬN

Con người trong văn học vừa là điểm khởi đầu, vừa là điểm đến của văn học nghệ thuật. Do đặc điểm chính trị, văn hóa thời trung đại, hình tượng nam giới đã có sự phân hóa, biến đổi đa dạng. Điều đó thể hiện sự vận động tư tưởng của nhà Nho trong khát vọng dân chủ. Bằng qua thời gian, hấp lực của những tác phẩm truyện ngắn chữ Hán như còn nguyên vẹn, thậm chí giá trị nội dung, nghệ thuật của từng trang tự sự về đời sống ngày càng được soi chiếu từ những lý thuyết hiện đại, từ những diễn giải của cộng đồng hôm nay càng trở nên mới mẻ. Những via hiện thực quá khứ được lật mở, những tiếng vọng từ trái tim và tâm hồn văn nhân xưa cũng có được tỏa sáng lấp lánh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Chi (2005). Vũ Trinh và bước phát triển mới của truyện kỳ Việt Nam. *Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, (10).
2. Trần Đình Hượu (1981). Nho giáo và văn học nghệ thuật. *Tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật*, tr.35 – 42.
3. Đinh Thị Khang (2007). So sánh truyện tình giữa người và hồn ma trong *Tiến dâng tân thoại và Truyền kỳ mạn lục*. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, tr.70 - 82.
4. Khrapchenko M.B. (1978). *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển của văn học*. Nxb. Tác phẩm mới.
5. Nguyễn Đăng Mạnh (2001). *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*. Nxb. Giáo dục.
6. Nguyễn Đăng Na (1999). *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*. Nxb. Giáo dục.
7. Nguyễn Thị Kim Ngân (2017). *Folflore và văn học viết, Nghiên cứu từ góc độ “dịch chuyển không gian” trong truyện cổ tích và truyện truyền kỳ*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Nhân (2010). Hành xử của nhân vật nam nhi khoa cử thành danh và nghệ thuật tự sự truyện Nôm. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, (12), tr. 48 - 56.
9. Trần Nho Thìn (2007). Trào lưu chủ tình trong văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX và dấu vết ảnh hưởng của sách *Thế thuyết tân ngữ*. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (1).
10. Trần Ngọc Vương (1999). *Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Nhiều tác giả (2008). *Giáo trình lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến 1858*. Nxb. Đại học Sư phạm.

MALE CHARACTERS AND THE STORY OF LOVE AND MARRIAGE IN CHINESE SHORT STORIES IN VIETNAM DURING THE XV-XIX CENTURY

Abstract: *In the type of narrative in medieval Vietnam, short stories in Chinese characters played a pioneering role. The male character in the story of love and marriage and family was portrayed by the writer mostly during the time when feudal ideology began to decline (especially the works from the 16th century). The tendency to reflect the reality is formed, the humanitarian thought continues to be maintained in new circumstances and the high sense of individuality leads to the "dualization" of the masculine image in the compositions. Reflecting the tragedies of love and marriage, the writers show sympathy and give the characters faith in life. Hidden deep in the compositions is a profound experience of human aspiration. The phenomenon of multi-polar differentiation of male characters has shown a new sense of life, marking a self-transformation about the ideology of the Confucians. By innovating a number of artistic techniques, people appear to be true and alive through the way they express their actions to their inner life. The variation of the fantasy element in the movement of medieval literature is really an important step forward in artistic thinking, bringing literature closer to real life. That set the stage for the birth of modern literature, which is an important sign of the democratization of medieval literature in our country.*

Keywords: *Autobiography, medieval, Chinese short stories, men, love and marriage.*